

TĂNG CƯỜNG GIÁM SÁT BẢO ĐẢM AN NINH TÀI CHÍNH QUỐC GIA

NGUYỄN XUÂN THU*

Trong xu hướng toàn cầu hóa và tự do tài chính, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn từ bên trong và bên ngoài hệ thống tài chính, đe dọa đến an ninh tài chính quốc gia. Theo đó, tăng cường giám sát an toàn vĩ mô kết hợp với giám sát an toàn vĩ mô dựa trên rủi ro sẽ góp phần bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. Bài viết trình bày một số khái niệm và nội dung về an ninh tài chính quốc gia, giám sát tài chính quốc gia, khái quát thực tế giám sát tài chính ở Việt Nam hiện nay, từ đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm tăng cường giám sát bảo đảm an ninh tài chính quốc gia.

Từ khóa: Giám sát tài chính; an ninh tài chính quốc gia; bảo đảm; tăng cường.

With globalization and financial freedom, Vietnam confronts a multitude of internal and external risks within its financial system, threatening national financial security. Accordingly, strengthening macroprudential supervision combined with risk-centric oversight will contribute to ensuring national financial security. This article delineates fundamental notions and components pertinent to national financial security and delineates the contemporary framework of financial oversight in Vietnam; thereby proposing some recommendations to enhance supervision to fortify national financial security.

Keywords: Financial supervision; national financial security; ensuring; enhancing.

NGÀY NHẬN: 12/3/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 17/4/2024

NGÀY DUYỆT: 18/5/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.340.2024.859>

1. Khái quát về giám sát tài chính quốc gia

Vấn đề an ninh tài chính đã được nhiều quốc gia quan tâm và đóng vai quan trọng trong chiến lược an ninh kinh tế của mỗi quốc gia. Với xu thế toàn cầu hóa và tự do tài chính, rủi ro tài chính và khủng hoảng tài chính trở thành mối đe dọa thường trực đối với các quốc gia trên thế giới. Theo đó, hoàn thiện và cải cách cơ chế giám sát, thiết lập cơ chế cảnh báo, can thiệp sớm, quản lý khủng hoảng, tăng cường sự phối hợp quốc tế

nhằm ứng phó và ngăn ngừa rủi ro khủng hoảng tài chính đã trở thành một nhiệm vụ và nội dung trọng tâm trong quản lý và điều hành kinh tế của các quốc gia.

Từ góc độ thị trường tài chính, an ninh tài chính được hiểu là việc duy trì được sự ổn định và lành mạnh tài chính trong quá trình vận hành của thị trường và hoạt động của các định chế tài chính, trên cơ sở đó, giảm

* TS, Học viện Hành chính Quốc gia

thiếu và hạn chế được rủi ro trên thị trường và hệ thống tài chính¹. An ninh tài chính quốc gia là trạng thái mà hệ thống tài chính có thể thực hiện được các chức năng của mình một cách có hiệu quả, an toàn, bền vững và có khả năng hấp thụ mọi rủi ro, với sự phản ứng - phục hồi để có thể thực hiện chức năng của mình mà không bị gián đoạn².

Như vậy, an ninh tài chính quốc gia là khái niệm để chỉ một trạng thái của hệ thống tài chính quốc gia ổn định, an toàn và hiệu quả. Trong đó, ổn định được hiểu là hoạt động bình thường, không có những biến động đột ngột, bất thường, các chức năng dẫn vốn, phân bổ vốn được thực hiện hiệu quả. An toàn là trạng thái mà hệ thống tài chính quốc gia có thể đứng vững, hấp thụ các rủi ro, tác động tiêu cực cả bên trong và bên ngoài quốc gia, vận hành trong trạng thái bình thường. Hiệu quả là việc hệ thống tài chính quốc gia thực hiện tốt các chức năng vốn có của nó, trong đó từng bộ phận của hệ thống tài chính đều hoạt động hiệu quả; đồng thời cũng có thể coi là kết quả của sự ổn định và an toàn của hệ thống tài chính.

Giám sát tài chính quốc gia là việc theo dõi, kiểm tra thường xuyên của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các định chế tài chính và hệ thống tài chính quốc gia nhằm mục đích phát hiện, ngăn ngừa và xử lý việc vi phạm các quy định hiện hành, tạo ra các rủi ro mang tính hệ thống trước khi nó vượt ra khỏi tầm kiểm soát. Đây là hoạt động thường xuyên và quan trọng nằm trong chức năng quản lý kinh tế của Chính phủ trong lĩnh vực tài chính.

Trong quá trình hoạt động, các định chế tài chính phải đối mặt với rất nhiều rủi ro như rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản,... và các rủi ro này còn mang tính hệ thống, có khả năng lan truyền dẫn đến sự bất ổn của cả hệ thống tài chính quốc gia. Nói cách khác, rủi ro hệ thống là ừ ro về sự đổ vỡ của

các dịch vụ tài chính bắt nguồn từ sự suy yếu toàn bộ hoặc một phần của hệ thống tài chính và có khả năng gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với nền kinh tế thực³. Vì vậy, giám sát tài chính là tất yếu khách quan nhằm bảo đảm sự an toàn cho cả hệ thống tài chính, bảo đảm lợi ích từ nhiều phía, từ phía Nhà nước, từ phía chủ thể trong hệ thống tài chính quốc gia.

Giám sát tài chính quốc gia nhằm các mục tiêu:

(1) Duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính. Mục tiêu này được thiết lập dựa trên quan điểm cho rằng sự đổ vỡ của hệ thống tài chính là mang tính dây chuyền bắt nguồn từ những bất ổn ngay bên trong hệ thống, tại từng định chế tài chính riêng biệt. Sự bất ổn còn đến từ các nguyên nhân bên ngoài hệ thống tài chính như các bất ổn vĩ mô, tình trạng sử dụng vốn không hiệu quả do vấn đề thể chế hay do chính sách đầu tư... Các quốc gia có thể áp dụng các tiêu chí giám sát chặt chẽ để bảo đảm an toàn hệ thống, tuy nhiên, điều này có thể làm hạn chế cạnh tranh và sức mạnh của hệ thống tài chính quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và tự do hóa tài chính.

(2) Mục tiêu bảo đảm sự an toàn của các chủ thể trong hệ thống tài chính. Hệ thống giám sát không nhằm bảo đảm 100% các chủ thể an toàn mà bảo đảm các chủ thể, đặc biệt là các định chế tài chính, tuân thủ các chuẩn mực an toàn do các chủ thể giám sát đặt ra, từ đó có thể chống đỡ và hấp thụ các rủi ro, các cú sốc từ bên trong và từ bên ngoài hệ thống. Hiện nay, giám sát để bảo đảm an toàn đang dần thay đổi từ giám sát tuân thủ sang giám sát dựa trên cơ sở rủi ro có thể nảy sinh của từng định chế và của cả hệ thống. Với sự phát triển nhanh của các tổ chức tài chính và các sản phẩm tài chính đang đặt ra các yêu cầu mới cho hoạt động giám sát.

(3) Mục tiêu bảo đảm hiệu quả của hệ thống tài chính. Mục tiêu này yêu cầu giám

sát sự cạnh tranh lành mạnh giữa các định chế tài chính, giám sát yêu cầu công khai, minh bạch thông tin trên thị trường tài chính, kiểm soát các nguy cơ làm suy giảm sức cạnh tranh của hệ thống tài chính.

Về hình thức, giám sát tài chính quốc gia được tiến hành thông qua giám sát an toàn vĩ mô và giám sát an toàn vi mô. Giám sát an toàn vĩ mô là hình thức giám sát an toàn toàn bộ hệ thống tài chính quốc gia được thực hiện trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu phản ánh mức độ lành mạnh tài chính và an toàn hoạt động; hệ thống thông tin, báo cáo phục vụ phân tích và giám sát an toàn vĩ mô; hệ thống phương pháp, công cụ, quy trình phân tích, giám sát, cảnh báo sự an toàn, ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về an toàn và ổn định hệ thống. Mục tiêu cuối cùng của giám sát an toàn vĩ mô là hạn chế nguy cơ xảy ra khủng hoảng tài chính vì lịch sử cho thấy khủng hoảng tài chính gây ra những tổn thất nặng nề về tăng trưởng thực (GDP) của nền kinh tế.

Giám sát an toàn vi mô là hình thức giám sát an toàn đối với từng định chế tài chính riêng lẻ, được thực hiện trên cơ sở hệ thống xếp hạng, đánh giá các định chế tài chính; hệ thống thông tin, báo cáo phục vụ giám sát an toàn vi mô; các chuẩn mực an toàn; hệ thống quy trình, công cụ, tiêu chuẩn và các kỹ năng phân tích tài chính, hoạt động; đánh giá, giám sát và cảnh báo các loại rủi ro, vi phạm pháp luật của các định chế tài chính. Mục tiêu của giám sát an toàn vi mô là hạn chế nguy cơ đổ vỡ của từng định chế tài chính nhưng không tính đến tác động của sự đổ vỡ này đối với toàn bộ nền kinh tế⁴.

Về phương pháp giám sát, hệ thống giám sát thường thực hiện theo: (1) Phương pháp giám sát tuân thủ; (2) Phương pháp giám sát trên cơ sở rủi ro. Trong đó, phương pháp giám sát tuân thủ tập trung theo dõi việc tuân thủ của các định chế tài chính dựa trên

các quy định pháp luật liên quan tới an toàn hoạt động. Phương pháp giám sát dựa trên rủi ro được xây dựng dựa trên việc giám sát hoạt động chung của định chế tài chính thông qua việc đánh giá các loại rủi ro mà định chế tài chính đang và sẽ gặp phải như rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro pháp lý... Việc áp dụng phương pháp giám sát dựa trên rủi ro đòi hỏi phải có một sự phát triển đồng bộ về hệ thống cơ sở pháp lý, về hệ thống quản lý thông tin, khả năng phân tích và sử dụng các công cụ định lượng.

2. Thực tế giám sát tài chính quốc gia

a. Mô hình tổ chức giám sát tài chính quốc gia

Hiện tại, mô hình giám sát tài chính ở Việt Nam theo hướng chuyên ngành, mỗi ngành được giám sát bởi cơ quan giám sát riêng. Cụ thể, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trực tiếp giám sát lĩnh vực ngân hàng. Bộ Tài chính giám sát lĩnh vực chứng khoán thông qua Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và lĩnh vực bảo hiểm thông qua Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm. Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia trực thuộc Chính phủ giám sát vĩ mô. Trong đó, mỗi cơ quan giám sát toàn diện các lĩnh vực đảm nhiệm với mục tiêu: bảo đảm nguyên tắc kinh doanh, bảo vệ khách hàng và ổn định hệ thống tài chính. Các cơ quan giám sát tiến hành giám sát thông qua một chu trình khép kín từ khâu cấp phép, kiểm tra giám sát định kỳ hoạt động kinh doanh, thanh tra và xử phạt vi phạm đến việc cho phép rút khỏi thị trường (đình chỉ hoặc xóa bỏ tổ chức).

Mặc dù có sự chuyên môn hóa, hệ thống giám sát tài chính Việt Nam cũng có sự điều chỉnh nhằm củng cố sự ổn định của hệ thống tài chính trước những khó khăn do tác động từ bên ngoài, dẫn đến, việc buộc phải tái cấu trúc toàn bộ hệ thống tài chính. Cụ thể, Chính phủ đã bổ sung chức năng nhiệm vụ đối với ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính

cho Ngân hàng Nhà nước, bao gồm: tổng hợp, phân tích, dự báo tình hình tiền tệ, tài chính; đề xuất các biện pháp ngăn ngừa rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, tài chính; xây dựng chính sách, biện pháp ứng phó khủng hoảng, bảo đảm ổn định hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính.

Tuy nhiên, do mô hình giám sát tài chính theo lĩnh vực, việc thực hiện đầy đủ chức năng ổn định hệ thống tài chính chỉ có thể thực hiện khi có sự phối hợp đồng bộ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan (cụ thể là Bộ Tài chính). Điều này đòi hỏi, chức năng ổn định phải được quy định ở văn bản pháp luật cao hơn (như luật hóa chức năng ổn định tài chính) để bảo đảm tính thực thi và phối hợp thực sự giữa các cơ quan; hoặc hình thành một ủy ban/hội đồng thực hiện chức năng ổn định tài chính như một số quốc gia.

Với mô hình trên, phần lớn các cơ quan giám sát chuyên ngành vừa thực hiện chức năng cấp phép, xây dựng cơ chế, chính sách, vừa thực hiện chức năng hướng dẫn, triển khai thực hiện cơ chế, chính sách; vừa thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động của các chủ thể trên thị trường. Tuy nhiên, nếu phân tích từng bộ phận của thị trường thì hoạt động giám sát ở Việt Nam còn nhiều hạn chế.

b. Giám sát an toàn vĩ mô

Từ sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, Việt Nam đã chú ý nhiều hơn đến an toàn vĩ mô và ổn định tài chính. Chính phủ giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhiệm vụ ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính thông qua xây dựng các biện pháp ngăn ngừa rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, tài chính và thực hiện các chính sách, biện pháp ứng phó với khủng hoảng, bảo đảm ổn định hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính. Nhằm tăng cường giám sát vĩ mô, đạt mục tiêu cuối cùng là ổn định tài chính, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 2563/QĐ-

NHNN ngày 31/12/2016 về việc ban hành Quy chế giám sát rủi ro hệ thống, qua đó từng bước chuẩn hóa và hoàn thiện các bước giám sát rủi ro hệ thống từ theo dõi, nhận diện rủi ro đến đánh giá và đưa ra cảnh báo, kiến nghị.

Đối với hoạt động theo dõi, giám sát rủi ro hệ thống ngân hàng nhà nước đã từng bước xây dựng hệ thống báo cáo phân tích định kỳ. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng báo cáo ổn định tài chính nhằm đưa ra bức tranh tổng thể khai thác và phân tích mối liên kết tài chính - vĩ mô, hệ thống tài chính và các khu vực kinh tế, nhận diện rủi ro hệ thống, phân tích nguyên nhân, nguồn gốc, từ đó đưa ra những cảnh báo và đề xuất giải pháp chính sách cho mục tiêu ổn định tài chính. Đồng thời, hình thành cơ bản hệ thống cơ sở dữ liệu về ổn định tài chính, thiết lập bộ chỉ số an toàn vĩ mô (MPIs) nhằm phục vụ công tác theo dõi, đánh giá rủi ro hệ thống, giám sát an toàn vĩ mô. Trên cơ sở đó thường xuyên phân tích MPIs, phân tích mô hình định lượng Stress Test, phân tích tính dễ bị tổn thương VEE, cơ chế cảnh báo rủi ro hệ thống SRAM⁵.

c. Giám sát ngân hàng

Từ năm 2009, cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng được thành lập và được coi là dấu mốc cải cách về bộ máy giám sát của Ngân hàng Nhà nước nhằm tăng cường khả năng thanh tra, giám sát đối với hệ thống tài chính, ngân hàng. Tuy nhiên, hoạt động giám sát giai đoạn này chủ yếu dựa trên nội dung giám sát tuân thủ mà chưa tập trung vào giám sát trên cơ sở rủi ro. Báo cáo giám sát được lập hàng tháng theo khối ngân hàng với những so sánh tăng giảm thuần túy, chưa thực sự phản ánh được các dấu hiệu cảnh báo, chưa giải quyết được nhu cầu trao đổi thông tin hai chiều giữa bộ phận giám sát và bộ phận thanh tra tại chỗ và yêu cầu xử lý liên kết số liệu; chưa có sự hỗ trợ cho thanh tra tại chỗ trong việc xác định trọng tâm,

trọng điểm thanh tra tại chỗ theo hướng tập trung vào khu vực nhiều rủi ro.

Giai đoạn từ năm 2014 đến nay, hoạt động giám sát của Ngân hàng Nhà nước đã có nhiều đổi mới hướng tới thực hiện thông lệ, chuẩn mực quốc tế về giám sát hiệu quả của Ủy ban Basel. Trong giai đoạn này, hình thức giám sát cũng được triển khai một cách đồng bộ mang tính thống nhất từ trung ương đến địa phương. Bên cạnh việc giám sát tuân thủ pháp luật, Ngân hàng Nhà nước đã bắt đầu tập trung đánh giá, cảnh báo rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, tăng cường giám sát các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

d. Giám sát thị trường bảo hiểm

Nội dung giám sát an toàn tài chính đối với cá doanh nghiệp bảo hiểm tập trung vào: (1) Kiểm tra các tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm; (2) Giám sát quá trình hoạt động về khả năng thanh toán, dự phòng nghiệp vụ, đầu tư tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm.

Phương thức quản lý giám sát được đổi mới theo hướng hạn chế can thiệp hành chính vào hoạt động của doanh nghiệp, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp. Hoạt động giám sát dựa trên các chỉ tiêu tài chính, chú trọng bảo đảm thanh toán của các doanh nghiệp bảo hiểm, khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động đầu tư, từng bước áp dụng các chuẩn mực quản lý quốc tế về kinh doanh bảo hiểm nhằm duy trì thị trường bảo hiểm phát triển lành mạnh và ổn định.

Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, giám sát của cơ quan quản lý, Bộ Tài chính hướng tới quản lý, giám sát các doanh nghiệp bảo hiểm trên cơ sở rủi ro thông qua việc kiểm tra chỉ tiêu an toàn vốn, phân loại, đánh giá doanh nghiệp, quản trị rủi ro, cập nhật và hoàn thiện hệ thống giám sát và cảnh báo sớm... Đồng thời, yêu cầu các

doanh nghiệp bảo hiểm tăng cường năng lực tài chính, quản lý rủi ro, quản trị doanh nghiệp, chất lượng dịch vụ khách hàng và công khai minh bạch.

Năm 2023, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ký kết quy chế phối hợp công tác nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả phối hợp trong công tác xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách; thanh tra, kiểm tra và giám sát. Từ đó, kịp thời phát hiện những bất cập, vướng mắc về cơ chế, chính sách để kiến nghị điều chỉnh phù hợp.

đ. Giám sát thị trường chứng khoán

Kể từ khi *Luật Chứng khoán* năm 2006, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán* năm 2010 và *Luật Chứng khoán* năm 2019 được ban hành, hoạt động giám sát thị trường chứng khoán luôn được quan tâm sát sao và có những điều chỉnh phù hợp với mức độ phát triển của thị trường. Hiện nay, khung pháp lý về giám sát giao dịch và giám sát tuân thủ có nhiều thay đổi, quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý thị trường. Hệ thống quy định mới bảo đảm cho cơ quan quản lý, các chủ thể giám sát có đủ thẩm quyền để giám sát, thu thập thông tin, xác minh và làm rõ những dấu hiệu nghi vấn trong hoạt động chứng khoán của tổ chức, cá nhân. Một số quy định giám sát mang tính xuyên biên giới liên quan đến thị trường chứng khoán Việt Nam và các cơ quan quản lý thị trường chứng khoán các nước.

Đối với hoạt động giám sát giao dịch chứng khoán, nhằm bảo đảm tính tuân thủ *Luật Chứng khoán* theo từng thời kỳ, các thông tư về giám sát giao dịch chứng khoán được ban hành kịp thời và có những điều chỉnh phù hợp với khung pháp lý mới. Mặc dù đã có những quy định về hoạt động giám sát nhưng hoạt động giám sát vẫn còn bộc lộ những bất cập. Cụ thể là trong giai đoạn 2020 - 2021, những hành vi thao túng thị trường,

giao dịch nhờ thông tin nội gián hoặc giao dịch không thông báo của cổ đông lớn vẫn xảy ra. Hoạt động phát hành trái phiếu sai quy định và sai mục đích sử dụng vốn diễn ra tại một số doanh nghiệp lớn gây thiệt hại cho nhà đầu tư.

3. Tăng cường giám sát bảo đảm an ninh tài chính quốc gia

Một là, tăng cường giám sát an toàn vĩ mô.

Trong bối cảnh thị trường tài chính đang phát triển nhanh chóng, phức tạp cả về quy mô lẫn cấu trúc, với các hoạt động tài chính đan xen giữa các khu vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và trong môi trường kinh tế vĩ mô nhiều biến động, các cơ quan giám sát chuyên ngành hiện nay cần quan tâm đúng mức đến giám sát rủi ro hệ thống, rủi ro của các định chế tài chính lớn có ảnh hưởng hệ thống. Để hướng tới thiết lập một khuôn khổ an toàn vĩ mô toàn diện và hiệu quả, Việt Nam cần ưu tiên hoàn thiện khung pháp lý, thể chế và khung phân tích cho hoàn thiện các bước theo dõi rủi ro hệ thống đã được ban hành. Xây dựng và áp dụng các chỉ tiêu giám sát và ngưỡng cảnh báo an toàn vĩ mô; phân loại nhóm các chỉ số tiên lượng để nhận diện, phân tích nguy cơ rủi ro hệ thống và xác định mục tiêu hoạt động của chính sách an toàn vĩ mô; tập hợp nhóm các chỉ số kích ứng chính sách an toàn vĩ mô giúp lựa chọn công cụ an toàn vĩ mô thích hợp nhằm ngăn ngừa rủi ro hệ thống.

Bên cạnh đó, xây dựng các mô hình đánh giá rủi ro hệ thống, các phương pháp phân tích tính dễ bị tổn thương đối với khu vực tài chính, chẳng hạn phân tích tính bền vững của nợ; phương pháp phân tích tính dễ bị tổn thương đối với các khu vực nền kinh tế; phương pháp phân tích mối liên kết tài chính - vĩ mô, qua đó, giảm thiểu các rủi ro toàn hệ thống và nâng cao hiệu quả giám sát toàn thị trường tài chính trong bối cảnh hội nhập kinh tế - tài chính ngày càng sâu rộng

Hai là, tăng cường hiệu lực giám sát tuân thủ, đồng thời chuyển dần sang giám sát dựa trên rủi ro thông qua việc thu hẹp các chuẩn mực trong nước với quốc tế (hoàn tất Basel II, tiến tới Basel III).

Xây dựng các quy chế, quy trình, tiêu chí giám sát chung giữa các cơ quan hữu quan và giữa các cơ quan giám sát riêng với nhau; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý để hỗ trợ giám sát và dự báo nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Cần nâng cao yêu cầu về công bố thông tin, trong đó có các chế tài thích hợp đối với tất cả các ngân hàng thương mại nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch về thông tin tài chính như các ngân hàng có cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán.

Tiếp tục đẩy nhanh quá trình chỉnh lý tiêu chuẩn kế toán và bảo đảm theo các tiêu chuẩn quốc tế. Cần linh hoạt hơn trong trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho phép hướng tới thông qua các phương pháp tiếp cận các chu kỳ (ví dụ như trích lập dự phòng tổn thất dự kiến), thắt chặt các quy định về việc hợp nhất các rủi ro ngoại bảng và áp dụng giá trị kế toán hợp lý cho các loại công cụ tài chính. Xây dựng, củng cố và phát triển các tổ chức xếp hạng tín nhiệm trong nước có năng lực, uy tín chuyên môn cao.

Ba là, kết hợp chặt chẽ giữa giám sát an toàn vĩ mô và giám sát an toàn vi mô.

Để thực hiện giám sát các định chế tài chính có hiệu quả, cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa việc giám sát an toàn vi mô và giám sát an toàn vĩ mô. Theo đó, giám sát an toàn vi mô là thông tin đầu vào phục vụ giám sát an toàn vĩ mô. Nội dung báo cáo giám sát cần được thiết kế thống nhất, chuẩn hóa thông tin đầu vào và đầu ra. Theo đó, từ những thông tin thu thập được, báo cáo giám sát vĩ mô mô tả những biến động lớn, xu hướng cơ bản của hệ thống tài chính, của kinh tế vĩ mô. Đối với báo cáo giám sát an toàn vi mô tập trung đánh giá rủi ro trong hoạt động đối

với từng định chế tài chính để từ đó có cảnh báo kịp thời, phù hợp với đặc điểm hoạt động của từng tổ chức.

Bốn là, hoàn thiện các quy định pháp luật và tăng cường giám sát đối với các tập đoàn tài chính.

Với sự phát triển của thị trường tài chính, mô hình tập đoàn tài chính trong đó ngân hàng là công ty mẹ thành lập các công ty con, công ty liên doanh, liên kết để hoạt động sang các lĩnh vực khác không thuộc phạm vi quản lý của cơ quan giám sát ngân hàng là rất phổ biến. Do vậy, cần có quy định pháp luật thanh tra giám sát tập đoàn tài chính thể hiện rõ nguyên tắc về giám sát hợp nhất đối với tập đoàn tài chính. Nghiên cứu sửa đổi các văn bản hướng dẫn những quy định về an toàn hoạt động tổ chức tín dụng theo hướng áp dụng nguyên tắc giám sát hợp nhất vào việc xác định các chỉ tiêu về an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng. Ban hành những văn bản hướng dẫn cụ thể hóa cách tổng hợp số liệu kế toán của các tổ chức tín dụng để xác định các chỉ tiêu an toàn hoạt động trên phương diện hợp nhất.

Bên cạnh đó, cần có quy định về cấu trúc tổ chức và quản lý minh bạch. Các giao dịch nội bộ trong tập đoàn tài chính phải được quản lý bởi cơ quan giám sát và các công ty thành viên trong tập đoàn tài chính phải báo cáo định kỳ cho cơ quan giám sát các giao dịch nội bộ.

Năm là, nâng cao hiệu quả của cơ chế điều phối giám sát tài chính, tăng cường chia sẻ thông tin, nhận diện rủi ro và phối hợp chính sách giữa các cơ quan giám sát trong mạng lưới an toàn tài chính để bảo đảm ổn định tài chính.

Nghiên cứu đổi mới mô hình giám sát thị trường tài chính theo hướng chuyển đổi sang mô hình hợp nhất. Trước mắt có thể từng bước áp dụng mô hình giám sát hợp nhất một phần rồi tiến tới hợp nhất giám sát toàn

bộ hệ thống tài chính. Theo đó, cần phân định rõ ràng, tăng cường chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan giám sát, đặc biệt, cần tăng cường hiệu lực phối hợp của các cơ quan giám sát (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với Bộ Tài chính, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia và các bộ, ngành hữu quan) cũng như nâng cao hơn nữa vị trí pháp lý cho Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia. Đồng thời, tăng cường hợp tác với các cơ quan giám sát tài chính trên thế giới để giám sát các rủi ro xuyên biên giới, rủi ro hệ thống, giảm thiểu rủi ro đối với an ninh tài chính quốc gia

4. Kết luận

Giám sát an ninh tài chính quốc gia là nội dung phức tạp. Ở góc độ kỹ thuật, giám sát tài chính quốc gia cần chuyển dần từ giám sát tuân thủ sang giám sát dựa trên rủi ro. Bên cạnh đó, cũng cần đổi mới, từng bước áp dụng mô hình giám sát hợp nhất đối với toàn bộ hệ thống tài chính. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, đó là cần tăng cường giám sát hiệu quả đối với các tập đoàn tài chính trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của các tập đoàn này có thể gây ra những rủi ro cho toàn bộ hệ thống tài chính

Chú thích:

1. *Giải pháp bảo đảm an ninh tài chính trên thị trường tài chính Việt Nam*. <https://tapchi-taichinh.vn>, ngày 24/9/2017.
2. Học viện Hành chính Quốc gia. *Tài liệu bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp*. Hà Nội, 2022, tr. 252.
3. IMF, FSB, & BIS (2009). *Guidance to Assess the Systemic Importance of Financial Institutions, Markets and Instruments: Initial Considerations*. Report to the G-20.
4. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và UNDP. *Giám sát hệ thống tài chính: chỉ tiêu và mô hình định lượng*. Hà Nội, 2013.
5. Đỗ Hồng Việt. *An ninh tài chính trong điều kiện kinh tế thị trường của Việt Nam*. Luận án tiến sỹ Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2022.